

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **40.79**/GENCO3-PC
V/v thực hiện công bố thông tin
doanh nghiệp theo Nghị định
số 81/2015/NĐ-CP

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 8 năm 2016

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Thực hiện các quy định tại Chương II Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Tổng Công ty đã thực hiện công bố các thông tin: Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016; Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất; Báo cáo tài chính hợp nhất; Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp; Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức; Chế độ tiền lương, tiền thưởng của Tổng Công ty theo như các Phụ lục đính kèm.

Tổng Công ty Phát điện 3 kính báo cáo.

Trân trọng./.

Đính kèm:

- Phụ lục số: 4, 5, 7, 8, 10;
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Lãnh đạo GENCO 3 (thay báo cáo);
- KSV GENCO 3;
- Các Ban: TC&NS, TC-KT, KH;
- Lưu: VT, PC.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trương Quốc Phúc

PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016 đã được Chủ tịch công ty phê duyệt tại Văn bản số 1304/QĐ-EVN ngày 28 tháng 12 năm 2015)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC

Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm trước: Sản phẩm sản xuất chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách, thực hiện sản phẩm công ích, kim ngạch xuất khẩu...

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2015	Ghi chú
1	Sản lượng điện sản xuất	tỷ kWh	27,156	Theo bc hợp nhất
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	28.515,64	
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	246,64	
4	Nộp ngân sách	tỷ đồng	1.264,23	

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính

Stt	Nhà máy	KH
	Tổng sản lượng điện (tr.kWh)	29.977
1	Nhiệt điện khí	15.865
	- Phú Mỹ 1	6.583
	- Phú Mỹ 2.1 & 2.1MR	6.121
	- Phú Mỹ 4	3.161
2	Thủy điện	2.375
	- Buôn Tua Srah	293
	- Buôn Kuốp	1.136
	- Srêpók 3	946
3	Nhiệt điện than	11.737
	- Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	7.036
	- Nhiệt điện Mông Dương 1	4.701

- Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh cả năm
- Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm

Tổng Công ty Phát điện 3 đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn, liên tục, kinh tế; đáp ứng yêu cầu huy động của hệ thống điện Quốc gia.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

- Kế hoạch đầu tư các dự án cả năm
- Hoàn thành các thủ tục cấp PAC cho tổ máy S2 của Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và Nhiệt điện Mông Dương 1.
- Phân đầu đảm bảo tiến độ các dự án thuộc danh mục các dự án cấp bách cấp điện miền Nam, gồm các dự án thuộc TTĐL Vĩnh Tân: Nhiệt điện Vĩnh Tân 4, Cảng than Vĩnh Tân, Cơ sở hạ tầng, đặc biệt là dự án nạo vét luồng vào và vũng quay tàu cho TTĐL Vĩnh Tân cũng như khởi công Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng.
- Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2016:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Hạng mục	KH 2016
	Tổng đầu tư	28.124
I	Trả nợ gốc, lãi vay	4.278
II	Đầu tư thuần	23.846
1	Công trình trả nợ kl và quyết toán	2.867
2	Công trình chuyên tiếp	17.462
3	Công trình khác	216
4	Công trình khởi công mới	3.301

- Kết quả đầu tư cả năm (dự kiến).

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Các giải pháp thực hiện

1. Giải pháp về tài chính.
 - Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Thực hiện việc chuyên môn hóa nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.
 - Chỉ đạo, thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư các công trình hoàn thành theo đúng quy định của nhà nước, đặc biệt là các công trình nguồn điện lớn để đưa vào hạch toán tăng tài sản và trích khấu hao.
 - Tăng cường quản lý hàng tồn kho, thực hiện tốt công tác thanh xử lý công nợ, vật tư thiết bị ứ đọng và tài sản kém mất phẩm chất, không có nhu cầu sử dụng.
 - Đảm bảo cấp phát vốn kịp thời cho các đơn vị để không ảnh hưởng đến công tác sản xuất kinh doanh và tiến độ dự án.
2. Giải pháp về sản xuất.
 - Vận hành an toàn và ổn định hệ thống điện, đảm bảo tiến độ sửa chữa lớn các nhà máy điện, lưới điện theo kế hoạch;
 - Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, an toàn lao động, giảm sự cố.
3. Giải pháp về marketing.
4. Giải pháp về nguồn nhân lực.
 - Thực hiện điều chuyển lao động giữa các đơn vị để tận dụng nguồn nhân lực có kinh nghiệm.
 - Thực hiện sắp xếp, bố trí lao động giữa các đơn vị để tận dụng nguồn nhân lực có kinh nghiệm.
5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật.

- Tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện xử lý kịp thời các bất thường, đảm bảo công tác sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên đạt chất lượng để đảm bảo các tổ máy sẵn sàng đáp ứng nhu cầu huy động của hệ thống.
 - Lựa chọn phương thức vận hành hợp lý, thực hiện nâng cao hiệu suất gió vào để tăng hiệu suất, tiết kiệm nhiên liệu và tỷ lệ điện tự dùng.
 - Thực hiện phục hồi, cải tiến và nâng cấp các thiết bị, hệ thống của các nhà máy điện để nâng cao độ an toàn, ổn định và tin cậy.
 - Bố trí kế hoạch sửa chữa lớn các nhà máy điện phù hợp đảm bảo khả năng phát cao nhất trong các tháng cao điểm mùa khô; khai thác hợp lý các hồ chứa để tận dụng tối đa nguồn nước cho sản xuất điện, tránh xả tràn.
 - Có chiến lược chào giá trên thị trường phát điện cạnh tranh phù hợp để đạt doanh thu cao nhất.
6. Giải pháp về quản lý và điều hành.
- Từng bước hiện đại hóa công tác quản lý các nhà máy điện và nâng cao trình độ công nghệ thông tin để nâng cao hiệu suất lao động.
7. Giải pháp khác.
- Quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, xây dựng tác phong, lề lối làm việc khoa học cho cán bộ, công nhân viên và người lao động.

**BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂM 2016**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu	Tỷ kWh	29,977
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)		
3	Doanh thu	Tỷ đồng	32.164
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	383
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1.393
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	28.124
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD	
8	Các chỉ tiêu khác		

PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

Năm báo cáo năm 2016

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước: Sản phẩm sản xuất chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách, thực hiện sản phẩm công ích, kim ngạch xuất khẩu...

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước: Báo cáo về tình hình đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm của doanh nghiệp.

- Dự án Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát: Đã bàn giao về EVN từ ngày 01/11/2014.
 - + Dự án Thủy điện Huội Quảng: Hoàn thành mục tiêu chống lũ năm 2014 an toàn, cơ bản đáp ứng tiến độ xây dựng đề ra, một vài hạng mục còn chậm tiến độ do điều kiện địa chất phức tạp nên phải thay đổi thiết kế; các bên liên quan đang tập trung đưa ra giải pháp đẩy nhanh tiến độ dự án.
 - + Dự án Thủy điện Bản Chát: Hoàn thành công tác xử lý tồn tại để nghiệm thu bàn giao dự án.
- Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 2:
 - + Tổ máy 1: Đã triển khai thử nghiệm đạt các mốc tiến độ trọng tâm như sau:
 - Ngày 15/01/2014: Hòa điện lần đầu vào lưới điện Quốc gia.
 - Ngày 30/01/2015: Hoàn thành nghiệm thu cấp giấy chứng nhận PAC.
 - + Tổ máy 2:
 - Ngày 07/9/2014: Hòa điện lần đầu vào lưới điện Quốc gia.
 - Ngày 21/03/2015: Bàn giao vận hành thương mại. Ngày 27/5/2016, đã phát hành Giấy chứng nhận nghiệm thu tạm thời (PAC) cho Nhà thầu sau khi Nhà thầu cam kết thời gian và giải pháp khắc phục tồn tại trong quá trình vận hành.
- Dự án Cơ sở hạ tầng TTĐL Vĩnh Tân: Tiến độ thực hiện các hạng mục công trình thuộc Dự án Cơ sở hạ tầng TTĐL Vĩnh Tân cơ bản đáp ứng yêu cầu.
- Dự án Cảng than TTĐL Vĩnh Tân: Hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 1 (Cảng Vĩnh Tân 2), hiện đang hoàn tất các thủ tục còn lại để công bố Cảng trong năm 2016.
- Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4: Khởi công ngày 09/3/2014, tiến độ thi công đáp ứng theo tiến độ yêu cầu.
- Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1:

- + Tổ máy S1: Tổ máy hòa đồng bộ lần đầu vào ngày 06/01/2015, hoàn thành chạy tin cậy vào ngày 21/9/2015. Tổ máy đã được nghiệm thu cấp PAC ngày 18/11/2015 (hiệu lực từ ngày 10/10/2015).
- + Tổ máy S2: Tổ máy hòa đồng bộ lần đầu vào ngày 23/5/2015, hoàn thành chạy tin cậy vào ngày 02/12/2015. Tổ máy đã bàn giao và nghiệm thu cấp PAC ngày 14/3/2016 (hiệu lực từ ngày 03/12/2015).
- Dự án Nhiệt điện Thái Bình: Khởi công ngày 22/02/2014, tiến độ thi công đáp ứng theo tiến độ yêu cầu.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...).

- Tổng Công ty Phát điện 3 được thành lập theo quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01/6/2012 trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Phú Mỹ, các công ty phát điện hạch toán phụ thuộc, các Ban QLDA nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số CTCP Phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang hoạt động theo Luật doanh nghiệp.
- Ngày 01/01/2013 tiếp nhận quyền điều hành từ EVN; ngày 26/4/2013 EVNGENCO 3 được chuyển chủ đầu tư dự án, lao động từ EVN và đã thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm của chủ đầu tư đối với các dự án/công trình. Từ khi đi vào hoạt động, EVNGENCO 3 đã thành lập thêm các đơn vị trực thuộc là: Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình (năm 2013) và Công ty Nhiệt điện Mông Dương (năm 2014), đầu tư góp vốn và liên doanh thành lập Công ty Dịch vụ Năng lượng ALSTOM PMTP (công ty liên kết), thành lập Công ty dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3 (năm 2016), thành lập Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ (năm 2016)
- Bàn giao 02 đơn vị từ Tổng Công ty về lại EVN là Ban QLDA Thủy điện 1 và Công ty TĐ Huội Quảng - Bản Chát từ ngày 01/11/2014.
- Chuyển chủ đầu tư từ Tổng Công ty về lại EVN Dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4 từ ngày 01/5/2015.
- Về công tác cổ phần hóa: Thực hiện theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ Công Thương, Tổng Công ty đã và đang bám sát kế hoạch, tiến độ để thực hiện.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thuận lợi:

- Được các cấp có thẩm quyền và Tập đoàn Điện lực Việt Nam quan tâm, hỗ trợ Tổng Công ty.
- Nhu cầu tiêu thụ điện năng được đánh giá tiếp tục gia tăng trong năm 2015 và những năm tiếp theo.

- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Tổng Công ty được sắp xếp tinh gọn; nguồn nhân lực có kinh nghiệm và chuyên môn, làm việc bài bản.

Khó khăn:

- Tình hình kinh tế thế giới biến động phức tạp, kinh tế trong nước tăng trưởng chưa bền vững.
- Giá nguyên liệu đầu vào (khí, than) tiếp tục tăng theo lộ trình trong năm 2015 và những năm tiếp theo.
- Tình hình thủy văn dự báo kém thuận lợi trong năm 2015.
- Tổng Công ty vừa ổn định tổ chức, hoạt động, lại thực hiện CPH Công ty mẹ theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ Công Thương; việc thay đổi liên tục cơ cấu tổ chức phần nào ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng Công ty.
- Hầu hết, các đơn vị của Tổng Công ty đều nằm trong khu vực xa xôi, hẻo lánh nên việc thu hút nguồn nhân lực lao động là hết sức khó khăn.
- Tổng Công ty mới thành lập và đi vào hoạt động nên khó khăn trong việc tiếp cận các tổ chức tín dụng nước ngoài để vay đầu tư cho các dự án nguồn điện mới.
- Thị trường điện còn trong giai đoạn hoàn thiện, giá điện chưa tạo được thu hút với nhà đầu tư vào lĩnh vực phát triển nguồn điện mới.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

- Đảm bảo công tác vận hành sản xuất điện an toàn - liên tục - kinh tế.
- Thực hiện chào giá trong thị trường điện có hiệu quả.
- Sản xuất và kinh doanh có lợi nhuận, cân bằng tài chính, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động.
- Tiếp tục thực hiện triển khai các dự án đầu tư nguồn điện đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công. Tìm kiếm địa điểm đầu tư dự án Nhiệt điện mới ở khu vực Miền Nam và nghiên cứu đầu tư các dự án năng lượng tái tạo tại khu vực Tây Nguyên và Nam Trung bộ.
- Triển khai công tác cổ phần hóa theo kế hoạch.
- Từng bước nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp hiện đại.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị, trong đó tập trung giữ ổn định hoạt động của các đơn vị thành viên, từng bước tiêu chuẩn hóa và thống nhất áp dụng các quy chế, quy định trong Tổng Công ty.
- Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV.

BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA
DOANH NGHIỆP

T T	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016 <i>(Lấy theo số KH phụ lục IV)</i>
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
a)	Sản lượng điện sản xuất (các đơn vị hạch toán phụ thuộc)	Tỷ kWh	19,488	20,401	26,648	29,977
b)						
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	21.283, 19	27.836, 74	28.515, 64	32.164
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	382,81	603,82	246,64	383
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1.319,3 2	1.253,0 1	1.264,2 3	1.393
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)					
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	25.253	30.482	20.501	28.124
a)	- Nguồn ngân sách	“				
b)	- Vốn vay	“	19.312	22.694	14.156	21.909
c)	- Vốn khác	“	5.941	7.788	6.345	6.215
8	Tổng lao động bình quân	Người	988	960	1.201	1.375
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	186,783	217,163	264,678	312,015
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	4,108	4,261	4,433	1,105
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	182,675	212,902	260,245	310,910

* Đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty và nhóm công ty mẹ - công ty con là báo cáo hợp nhất.

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con

- Danh sách các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ.

+ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức

- + CTCP Nhiệt điện Bà Rịa
- + CTCP Nhiệt điện Ninh Bình
- Tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này.
 - + Tổng Công ty Phát điện 3 có khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức là 100.000 triệu đồng (tương đương 100%), Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa là 481.236 triệu đồng (tương đương 79,56%) và Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình là 70.454 triệu đồng (tương đương 54,76%). Từ năm 2013 - 2016, Tổng Công ty luôn bảo toàn và phát triển nguồn vốn theo quy định nhà nước.
 - + Trong năm 2015, lợi nhuận thu được từ cổ tức của Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa là 48.124 triệu đồng và Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình là 12.682 triệu đồng.
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này.

Tình hình tài chính năm 2015 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức
Tổng doanh thu	1.983.196	731.836	120.529
Tổng chi phí	1.862.928	669.248	99.299
Lợi nhuận trước thuế	120.268	62.588	21.230
Lợi nhuận sau thuế TNDN	95.979	48.877	16.631

BIỂU SỐ 2

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2013			Thực hiện năm 2014			Thực hiện năm 2015			Ước thực hiện năm báo cáo (năm 2016)		
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)												
	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức							100	100	100	100	100	100
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối(cấp 2)												
	Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	604,86	79,56	481,24	604,86	79,56	481,24	604,86	79,56	481,24	604,86	79,56	481,24
	Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	128,66	54,76	70,45	128,66	54,76	70,45	128,66	54,76	70,45	128,66	54,76	70,45

PHỤ LỤC VII

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP
NĂM 2015**

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo										Tỷ lệ Nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo	Ghi chú
			Thoái vốn		CPH						Các hình thức khác				
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Thành lập Ban Chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
I	CÔNG TY MẸ TRONG NHÓM CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON (CẤP 1)				x		x						Dự kiến nắm giữ trên 50% vốn điều lệ		
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)														
	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	x													
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)														
2.1	CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	x											79,56		
2.2	CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	x											54,76		
3	Các công ty liên kết(cấp 2)	x													
3.1	CTCP Thủy điện Thác Bà	x											30		

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo								Tỷ lệ Nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo	Ghi chú
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	CPH						Các hình thức khác				
					Thành lập Ban Chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức	Đã có quyết định phê duyệt			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
3.2	CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	x											30,55		
3.3	CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	x											30		
3.4	CTCP Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	x											2,5		
3.5	CTCP Điện Việt Lào	x											0,65		
3.6	Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng ALSTOM-PMTP	x											15		
II	CÁC CÔNG TY TNHH MTV DO NN LÀM CHỦ SỞ HỮU														

Giải thích:

(1) Tên Công ty: Tên gọi của doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Từ (2) đến (10) và (12): Đề nghị tích dấu nhân (x) không viết hoa vào các ô tương ứng.

(11) Ghi rõ hình thức sắp xếp:

- Chuyển thành công ty TNHH hai thành viên - Giao ;
trở lên

- Giải thể;

- Bán;

- Phá sản;

- Chuyển cơ quan quản lý;

- Sáp nhập;

- Các hình thức khác (nếu có)

- Hợp nhất;

(13) Tỷ lệ Nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn: Đề nghị ghi nêu rõ tỷ lệ cụ thể về mức cổ phần, vốn góp của Nhà nước sau khi thực hiện các biện pháp sắp xếp. Trong trường hợp chưa dự kiến được tỷ lệ cụ thể, đề nghị ghi: Nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc dưới 50% vốn điều lệ...

(14) Ghi rõ hình thức sắp xếp dự kiến:

- | | |
|--|------------------------------------|
| - Giữ nguyên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; | - Hợp nhất; |
| - Cổ phần hóa từ 50% vốn điều lệ trở lên; | - Giao |
| - Cổ phần hóa dưới 50% vốn điều lệ; | - Bán |
| - Chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; | - Chuyển cơ quan quản lý; |
| - Giải thể; | - Thoái vốn; |
| - Phá sản; | - Các hình thức khác (ghi cụ thể). |
| - Sáp nhập; | |

PHỤ LỤC VIII

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2015

I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

- Cơ cấu tổ chức của EVNGENCO 3 gồm:

- + Chủ tịch Tổng Công ty.
- + Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc.
- + Các KSV của EVN tại EVNGENCO 3.
- + Văn phòng Cơ quan EVNGENCO 3 bao gồm 12 Ban chức năng.
- + 08 đơn vị trực thuộc, 03 công ty con và 06 công ty liên kết.

1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng thành viên)

Thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và các cán bộ chủ chốt: Danh sách thành viên (thành viên độc lập, thành viên điều hành, thành viên chuyên trách, thành viên không chuyên trách, chức danh tại công ty khác do doanh nghiệp nắm giữ); nhân thân, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, công việc quản lý được giao.

BIỂU SỐ 1

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

TT	Ho và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)					
I. HĐTV hoặc Chủ tịch công ty	Nguyễn Văn Lê	1959	Chủ tịch GENCO3	Không có		- Tiến sỹ Kỹ thuật hệ thống điện - Thạc sỹ hệ thống điện. - Cử nhân vật lý chuyên	Quản trị kinh doanh; quản lý vận hành NMD; quản lý dự án đầu tư nguồn điện.	- Phó Giám đốc kỹ thuật sản xuất của Trung tâm Thí nghiệm điện 3 (nay là Công ty Thí nghiệm điện miền trung - Tổng Công ty Điện lực miền Trung). - Phó trưởng	Quản lý GENCO3 thực hiện nhiệm vụ chính là: Sản xuất kinh doanh điện năng và quản lý đầu tư các dự án nguồn điện

TT	Ho và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)					
						ngành Điện tử Hạt Nhân. - Cử nhân QTKD		Ban QLDA Thủy điện 3 kiêm Trưởng Ban chuẩn bị sản xuất các nhà máy thủy điện trên sông Vu Gia - Thu Bồn. - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện A Vương, Trưởng ban điều hành dự án Thủy điện A Vương. - Chủ tịch Tổng Công ty Phát điện 3	
II. TGD hoặc GD	Đình Quốc Lâm	1973	Tổng Giám đốc GENCO3	Không có		- Thạc sỹ QTKD. - KS Hệ thống điện	Quản trị kinh doanh; quản lý vận hành NMD; quản lý dự án đầu tư nguồn điện.	Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ (Nay là GENCO3).	Quản lý điều hành GENCO3 thực hiện nhiệm vụ chính là: Sản xuất kinh doanh điện năng và quản lý đầu tư các dự án nguồn điện
III. Phó TGD hoặc PGD									
1	Trương Quốc Phúc	1961	Phó TGD Kinh tế - Tài chính	Không có		Cử nhân Tài	Tài chính, kế toán doanh	Kế toán trưởng, Phó Giám đốc, Chủ tịch Công	Quản lý lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế

TT	Ho và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)					
						chính-Kế toán	ngành	ty NDPM (nay là GENCO3)	toán của GENCO3
2	Phan Thanh Xuân	1961	Phó TGD Kỹ thuật-Sản xuất	Không có		-Thạc sỹ QTKD. -Kỹ sư Thiết bị điện	Quản lý vận hành sản xuất điện	Phó Giám đốc Công ty ND Phú Mỹ (nay là GENCO3)	Quản lý kỹ thuật, vận hành các NMD thuộc GENCO3
3	Lê Văn Danh	1974	Phó TGD Đầu tư-Xây dựng	Không có		- Thạc sỹ QTKD. -Kỹ sư Điện-Điện tử	Quản lý vận hành NMD, quản lý dự án nguồn điện	Phó Giám đốc Công ty ND Phú Mỹ (nay là GENCO3)	Quản lý dự án đầu tư xây dựng, đấu thầu của GENCO3
4	Cao Minh Trung	1963	Phó TGD Sửa chữa và Phát triển công nghệ	Kiểm nhiệm Giám đốc Công ty DVSC các NMD GENCO3		- Thạc sỹ QTKD. - Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy	Quản lý công tác sửa chữa, công nghệ nhà máy điện, quản lý vận hành NMD	Phó Giám đốc Công ty ND Phú Mỹ (nay là GENCO3)	Quản lý lĩnh vực sửa chữa, phát triển công nghệ các NMD thuộc GENCO3
5	Nguyễn Thanh Trùng Dương	1970	Phó TGD Kinh doanh-Thị trường điện	Không có		Kỹ sư Kỹ thuật điện	Quản lý vận hành NMD, kinh doanh-thị trường điện, quản lý dự án nguồn điện	- Giám đốc Trung tâm Bảo trì thủy điện và DVKT, Công ty CP thủy điện A Vương. - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP thủy điện A Vương.	Quản lý lĩnh vực thị trường điện của GENCO3
IV. Kế toán trưởng	Nguyễn Thị Thanh Hương	1977	Kế toán trưởng GENCO3	Không có		Thạc sỹ QTKD Cử nhân QTKD	Quản lý tài chính, kế toán doanh nghiệp	Kế toán trưởng Công ty ND Phú Mỹ	Hoạt động tài chính, kế toán của GENCO3

2. Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên

- Cơ cấu Ban Kiểm soát GENCO3 gồm: Kiểm soát viên chuyên trách và KSV không chuyên trách (do EVN cử), cụ thể:

- Phạm Hùng Minh – Kiểm soát viên chuyên trách.

- Vũ Thế Vinh – Kiểm soát viên không chuyên trách

3. Thù lao và lợi ích của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích và tổng chi phí (nếu có) cho từng thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

- Liệt kê các nguyên tắc về đạo đức của doanh nghiệp (nếu có).

+ Tổng Công ty đã ban hành Văn hóa doanh nghiệp trong toàn Tổng Công ty, và ban hành Quy tắc ứng xử tại Cơ quan Tổng Công ty. CBCNV đã và đang không ngừng phấn đấu, nỗ lực hết mình vì sự phát triển bền vững cùng hướng tới mục tiêu trở thành một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng tại Việt Nam và khu vực; Duy trì sứ mệnh của Tổng Công ty là “Đảm bảo sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế - góp phần giữ vững an ninh năng lượng của Hệ thống điện Quốc gia”.

+ Thực hiện chuẩn mực đạo đức, triết lý kinh doanh theo 05 tiêu chí “Nhân – Lễ - Nghĩa – Trí – Tín”

- Liệt kê các chính sách khác của doanh nghiệp để bảo đảm đạo đức và trách nhiệm của đội ngũ quản lý (nếu có).

+ Nâng cao tầm nhìn, nhận thức, bồi dưỡng đạo đức của đội ngũ cán bộ qua tuyên truyền giá trị đạo đức, lối sống của người Đảng viên, học tập đạo đức Chủ tịch Hồ Chí Minh;

+ Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của CBCNV về văn hóa doanh nghiệp, giá trị cốt lõi của Văn hóa EVNGENCO 3 với những cam kết thực tiễn: (1) Cam kết với cấp trên: Phát điện “An toàn, liên tục, kinh tế”; (2) cam kết với NLĐ: “NLĐ là tài sản quý giá nhất”; (3) Ứng xử nội bộ: “Trên thuận, dưới hòa, tôn trọng lẫn nhau”; (4) ứng xử với đối tác: “Hợp tác cùng phát triển”; ứng xử bên ngoài, quan hệ khách hàng: “Khách hàng là sự tồn tại của chúng tôi”.

+ Tăng cường công tác phân công, phân nhiệm, giao quyền và công tác kiểm tra, giám sát đến từng bộ phận tổ, đội, phòng ban, đơn vị, TCT.

+ Tăng cường vai trò của công ty mẹ đối với các đơn vị thành viên trong việc kiểm tra, đôn đốc đơn vị thực hiện quản lý lao động hiệu quả, có chương trình, kế hoạch kiểm tra hàng năm theo quy định.

- Quy định trách nhiệm khen thưởng, xử lý vi phạm đối với người đứng đầu trong việc tổ chức đánh giá tình hình sử dụng lao động theo kế hoạch đã được phê duyệt (thực hiện hàng năm); Bổ sung tiêu chí về NSLĐ trong đánh giá hiệu quả hàng năm đối với người đứng đầu.

5. Về quản lý rủi ro:

Hướng dẫn về quản trị rủi ro của doanh nghiệp (mô tả tóm tắt nếu có).

II. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

BIỂU SỐ 2

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

(Tóm tắt các quyết định quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	3025/QĐ-BCT	01/6/2012	Về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3
2	9494/QĐ-BCT	22/10/2014	Về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3
3	23/QĐ-EVN	23/01/2015	Về việc phê duyệt tiến độ CPH Công ty mẹ-Tổng Công ty Phát điện 3
4	124/QĐ-EVN	30/6/2015	Về việc giá trị doanh nghiệp để CPH Công ty mẹ-EVNGENCO 3.
5	640/QĐ-EVN	11/9/2013	Về việc giao vốn Điều lệ cho GENCO3
6	11115/QĐ-BCT	05/12/2014	Về việc phê duyệt kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện năm 2015
7	07/QĐ-EVN	07/01/2015	Về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh - đầu tư xây dựng - tài chính năm 2015
8	173/QĐ-EVN	02/10/2015	Về việc phê duyệt Đề án Nâng cao hiệu quả SXKD và Năng suất lao động giai đoạn 2016-2020 của Tổng Công ty Phát điện 3

III. Hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty

1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty:

Hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và đánh giá hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (Các quyết định, nghị quyết lớn của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong kỳ như các Quyết định, Nghị quyết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm tài sản, ... Nêu số văn bản và tóm tắt nội dung văn bản).

- Đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng phát triển của Tổng Công ty Phát điện 3 từ năm 2015-2020, tầm nhìn 2030. Chỉ đạo xây dựng và trình EVN phương án sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty giai đoạn 2016-2025.

- Khảo sát và nghiên cứu thị trường cung cấp than cho các dự án nhiệt điện than của Tổng Công ty nói riêng & các nhà máy Nhiệt điện than của Việt Nam nói chung (Chiến lược năng lượng sơ cấp).

- Chỉ đạo xây dựng Đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao

động của Tổng Công ty giai đoạn 2016-2020 trình cấp thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo triển khai xây dựng đề án đảm bảo và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị thuộc EVNGENCO 3 (CTCP Nhiệt điện Bà Rịa & Ninh Bình).

- Thành lập Công ty Nhiệt điện Mông Dương, Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện. Nhận bàn giao nguyên trạng Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ GENCO2 về GENCO3.

- Xây dựng: Phương án Chuẩn bị sản xuất Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình, Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4; phương án tách và thành lập Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ trực thuộc Tổng Công ty.

- Chủ trì họp Ban Lãnh đạo Tổng Công ty về công tác Tổ chức nhân sự Cơ quan TCT và các đơn vị thành viên đã và chuẩn bị thành lập. Triển khai rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ điện EVN/ Tổng Công ty quản lý giai đoạn 2016 - 2020.

- Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu “Sửa chữa và cải tạo Nhà Văn phòng 2”. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt: Hiệu chỉnh dự án đầu tư cảng nhập than TTDL Vĩnh Tân (bổ sung hạng mục nạo vét luồng và vũng quay tàu để tiếp nhận tàu đến 100.000 DWT), Tổng mức đầu tư hiệu chỉnh Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2.

- Chủ trì nhiều cuộc họp (01 cuộc họp tại Vĩnh Tân, 05 cuộc họp tại Tổng Công ty) để thảo luận đưa ra các giải pháp trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về xử lý môi trường tại NMNĐ Vĩnh Tân 2.

- Họp tổng kết, đánh giá công tác xây dựng năm 2014 - Dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4; Thành lập Ban chỉ đạo và chủ trì cuộc họp Ban chỉ đạo triển khai công tác ĐTXD dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4 MR và một số nội dung liên quan đến dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4.

- Kiểm tra tình hình thực tế tại công trường và chủ trì nhiều cuộc họp với Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (03 cuộc họp tại công trường dự án, 4 cuộc họp tại Tổng Công ty) để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để khởi động lại dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.

- Chủ trì họp Ban chỉ đạo về mua than cho SXĐ của NMNĐ Vĩnh Tân 2 và NMNĐ Mông Dương 1; Thống nhất chủ trương để Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình mua than Indonesia của các đơn vị nhập khẩu để tiếp tục thử nghiệm quy mô lớn hơn trong việc triển khai áp dụng đốt than trộn nhập khẩu từ Indonesia.

- Chủ trì 3 phiên họp Tổ giúp việc Ban chỉ đạo CPH EVNGENCO 3 và tham dự 04 phiên họp của Ban chỉ đạo CPH.

BIỂU SỐ 3

THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY

(Chỉ thống kê các cuộc họp quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

T	Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
	Ông Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch	45	0	0	45/45(100%)

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc

- Chủ tịch Tổng Công ty thực hiện giám sát Tổng Giám đốc theo Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành; ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, ... và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, ... đó. Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch Tổng Công ty chủ trì họp Ban Lãnh đạo để đánh giá cũng như đề ra các định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh; hàng năm ban hành Chương trình làm việc để làm cơ sở hoạt động và đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVNGENCO 3.
- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và năm, yêu cầu Tổng giám đốc gửi báo cáo bằng văn bản về đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng, nhiệm vụ thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh trong kỳ tới của EVNGENCO 3 cho Chủ tịch.
- Yêu cầu Tổng giám đốc trình Chủ tịch để Chủ tịch trình EVN thông qua báo cáo tài chính năm của EVNGENCO3 và báo cáo tài chính hợp nhất của EVNGENCO3.
- Hàng tháng chủ trì họp Ban Lãnh đạo để kiểm soát tình hình hoạt động của Tổng Công ty và có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Ra các quyết định, thông báo, kết luận và chỉ thị để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và kiểm soát việc thực các quyết định, thông báo, kết luận và chỉ thị đó.

3. Các Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty:

BIỂU SỐ 4

THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY

(Chỉ nêu tóm tắt các cuộc họp quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
1	62/QĐ-GENCO3	8/1/2015	Quyết định thông qua đơn hàng số 04-14/LTSA mua vật tư nhập khẩu cho công tác trung tu TM ST26 năm 2015 và dự phòng cho PM4 và PM2.1
2	107/QĐ-GENCO3	13/1/2015	Quyết định về việc Thông qua hợp đồng mua bán Than phục vụ sản xuất điện năm 2015 cho NMNĐVT 2
3	155/QĐ-GENCO3	15/1/2015	Quyết định Thông qua nội dung cơ bản của hợp đồng vay vốn trong nước và các hợp đồng liên quan tài trợ cho Dự án Thủy điện Thượng KonTum
4	192/QĐ-GENCO3	16/1/2015	Quyết định Về việc phê duyệt dự toán Chi phí tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để CPH Tổng

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
			Công ty Phát điện 3
5	196/QĐ-GENCO3	16/1/2015	Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu kỹ thuật Gói thầu "Cung cấp hóa chất xử lý nước phục vụ sản xuất điện năm 2015"
6	286/QĐ-GENCO3	21/1/2015	Quyết định Thông qua ký kết phụ lục chuyển đổi chủ thể MHI sang MHPS của hợp đồng dài hạn số 11-05/EVN ITC&MHI/PHUMY
7	356/NQ-GENCO3	23/1/2015	Nghị quyết Về việc bổ nhiệm cán bộ (Ô. Nguyễn Tiên Thành -PGĐ Cty NĐ Mông Dương)
8	549/QĐ-GENCO3	4/2/2015	Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu- Gói thầu cung cấp hóa chất xử lý nước phục vụ sản xuất điện năm 2015
9	771/QĐ-GENCO3	13/2/2015	QĐ V/v thông qua Đơn hàng số 05-14/LTSA mua vật tư thiết bị chính cho đại tu MXL tổ máy GT 42 năm 2015
10	978/QĐ-GENCO3	6/3/2015	Quyết định: V/v phê duyệt kết quả chỉ định thầu Gói thầu số 5: Tư vấn thực hiện kế hoạch hành động về môi trường và xã hội phục vụ vay vốn Dự án NMNĐ Vĩnh Tân (giai đoạn 2)
11	987/QĐ-GENCO3	9/3/2015	Quyết định thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh-tài chính-đầu tư xây dựng năm 2015 của các đơn vị thành viên EVNGENCO3
12	1105/QĐ-GENCO3	13/3/2015	Quyết định: V/v phê duyệt dự toán chi phí mua than phục vụ sản xuất năm 2015 cho Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2
13	1278/QĐ-GENCO3	25/3/2015	Quyết định: V/v giao kế hoạch SXKD-Tài chính-ĐTXD năm 2015 của TCT
14	1313/QĐ-GENCO3	26/3/2015	Quyết định: V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp than phục vụ sản xuất năm 2015 cho Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2
15	1399/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh điện thực hiện năm 2014 của cơ quan TCT
16	1400/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh điện thực hiện năm 2014 của Công ty Thủy điện Buôn Kuốp
17	1401/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh điện thực hiện 10 tháng đầu năm 2014 của Công ty Thủy điện Huội Quảng-Bản Chát
18	1402/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2014 của Phòng CBSX NMNĐ Mông

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
			Dương 1 thuộc Ban QLDANĐ 1
19	1403/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2014 của bộ phận CBSX Nhà máy Thủy điện Huội Quảng
20	1404/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2014 của bộ phận CBSX NMNĐ Vĩnh Tân 2
21	1405/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2014 của Ban QLDATEĐ1
22	1406/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2014 của Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân
23	1407/QĐ-GENCO3	30/3/2015	Quyết định: Về việc duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2014 của Ban QLDA NĐ 1
24	1450/QĐ-GENCO3	31/3/2015	Quyết định: V/v quyết toán quỹ tiền lương sản xuất khác thực hiện năm 2014 của Cơ quan Tổng Công ty Phát điện 3
25	1544/QĐ-GENCO3	2/4/3015	QĐ: V/v phê duyệt dự toán mua vật tư và lắp đặt hệ thống Debris Filter cho bình ngưng PM1
26	1568/QĐ-GENCO3	7/4/2015	Quyết định: Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp vật tư và lắp đặt hệ thống Debris Filter cho bình ngưng PM1
27	1569/QĐ-GENCO3	7/4/2015	Quyết định về việc phê duyệt -Gói thầu: Cung cấp vật tư và lắp đặt hệ thống Debris Filter cho bình ngưng PM1
28	2142/QĐ-GENCO3	6/5/2015	Quyết định về việc phê duyệt dự toán chi phí nhiên liệu phục vụ SXKD năm 2015-Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1
29	2605/QĐ-GENCO3	28/5/2015	Quyết định về việc thông qua thương thảo gia hạn hợp đồng dài hạn với nhà thầu Siemens
30	2759/QĐ-GENCO3	4/6/2015	Quyết định về việc thông qua đơn hàng số 01-15/LTTSA thuê chuyên gia cho trung tu TI GT 11- Phú Mỹ 1 năm 2015
31	2760/QĐ-GENCO3	4/6/2015	Quyết định về việc thông qua đơn hàng số 02-15/LTTSA thuê chuyên gia cho trung tu CI GT 12- Phú Mỹ 1 năm 2015
32	2881/QĐ-GENCO3	10/6/2015	Quyết định về việc thông qua trang bị công xa phục vụ công tác tại Tổng Công ty Phát điện 3
33	2898/QĐ-GENCO3	10/06/2015	Quyết định: Tạm giao quỹ tiền lương năm 2015 cho Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân.
34	2899/QĐ-	10/06/2015	Quyết định: Tạm giao quỹ tiền lương năm 2015

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
	GENCO3		cho Công ty Thủy điện Buôn Kuốp.
35	3568/QĐ-GENCO3	09/07/2015	Quyết định: Thông qua đơn hàng số 06-14/LTSA mua vật tư dự phòng chiến lược cho Nhà máy điện Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 4.
36	3569/QĐ-GENCO3	09/07/2015	Quyết định: Thông qua đơn hàng số 01-15/LTTSA thuê chuyên gia và dụng cụ cho trung tu tổ máy ST26 - Phú Mỹ 2.1 mở rộng năm 2015.
37	3711/QĐ-GENCO3	14/07/2015	Quyết định Về việc thông qua đơn hàng số 01-15/LTRWA phục hồi cánh động / tính tua bin cho đại tu 133k EOH tổ máy GT24 năm 2016
38	3880/QĐ-GENCO3	15/07/2015	Quyết định: Thông qua Phương án kỹ thuật sửa chữa lớn các tổ máy và lò của các Nhà máy điện Phú Mỹ năm 2016.
39	3959/QĐ-GENCO3	27/07/2015	Quyết định: Thông qua Đơn hàng số 02-15/LTSA mua vật tư nhập khẩu CI GT13 - Phú Mỹ 1 năm 2016.
40	4408/QĐ-GENCO3	13/08/2015	Quyết định: Thông qua đơn hàng số 01-15/LTSA vật tư nhập khẩu cho đại tu tổ máy GT24 ở 133k EOH năm 2016.
41	4532/QĐ-GENCO3	18/08/2015	Quyết định: Phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu kỹ thuật gói thầu Cung cấp vật tư và lắp đặt hệ thống Debris Filter cho bình ngưng Phú Mỹ 1.
42	4547/QĐ-GENCO3	20/08/2015	Quyết định: Thông qua Phụ lục sửa đổi số 4 cho Hợp đồng dài hạn (HDDH) hiện hữu số 08-03/EVN-AP/PHUMY với Nhà thầu Alstom.
43	4655/QĐ-GENCO3	26/08/2015	Quyết định: Thông qua Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 Hợp đồng mua bán điện số 01/2013/HĐ-NMĐ-BK của các Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah và Srêpôk 3.
44	4926/QĐ-GENCO3	08/09/2015	Quyết định: Phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư và lắp đặt hệ thống Debris Filter cho bình ngưng Phú Mỹ 1.
45	5020/QĐ-GENCO3	15/09/2015	Quyết định: Phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật gói thầu: "Tư vấn lập phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3".
46	5017/QĐ-GENCO3	15/09/2015	Quyết định: Thông qua Hợp đồng tư vấn quản lý dự án - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4.
47	5718/QĐ-GENCO3	23/09/2015	Quyết định: Thông qua quyết toán sửa chữa lớn năm 2015 công trình trung tu (TI) GT11 Phú Mỹ 1.

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
48	5245/QĐ-GENCO3	25/09/2015	Quyết định: Về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu - Gói thầu " Tư vấn lập phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3"
49	5315/QĐ-GENCO3	30/09/2015	Quyết định: Thông qua hiệu chỉnh Phương án kỹ thuật sửa chữa lớn các tổ máy GT21, GT24 và GT42 năm 2015 - 2016.
50	5310/QĐ-GENCO3	30/09/2015	Quyết định: Phê duyệt dự toán chi phí mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2.
51	5334/QĐ-GENCO3	30/09/2015	Quyết định: Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa và cải tạo nhà Văn phòng 2.
52	5360/QĐ-GENCO3	01/10/2015	Quyết định: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp vật tư và lắp đặt hệ thống Debris Filter cho bình ngưng Phú Mỹ 1.
53	5370/QĐ-GENCO3	02/10/2015	Quyết định: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Sửa chữa và cải tạo nhà Văn phòng 2.
54	5745/QĐ-GENCO3	20/10/2015	Quyết định: Thông qua Phụ lục sửa đổi số 5 của Hợp đồng dài hạn số 08-03/EVN-AP/PHUMY về việc nâng cấp MXL2 cho các tổ máy GT13E2 của các Nhà máy điện Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 4.
55	5803/TB-GENCO3	22/10/2015	Thông báo: Kết luận cuộc họp của Chủ tịch GENCO3 về việc chuẩn bị các hồ sơ liên quan đến việc lập phương án CPH Công ty mẹ - GENCO3.
56	5804/QĐ-GENCO3	22/10/2015	Quyết định: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh điện năm 2015 - Công ty Nhiệt điện Mông Dương.
57	5866/QĐ-GENCO3	27/10/2015	Quyết định: Giao Tổng Giám đốc Tổng Công ty triển khai thực hiện các thủ tục để bán lại các chi tiết Ver.96 còn tồn kho cho Nhà thầu Alstom.
58	5899/QĐ-GENCO3	28/10/2015	Quyết định: Thông qua dự toán sửa chữa lớn năm 2016 Công trình đại tu Lò thu hồi nhiệt HRSG11, HRSG12 Phú Mỹ 1.
59	5900/QĐ-GENCO3	28/10/2015	Quyết định: Thông qua dự toán sửa chữa lớn năm 2016 công trình đại tu tổ máy tuabin hơi ST14 Phú Mỹ
60	5901/QĐ-GENCO3	28/10/2015	Quyết định: Thông qua dự toán sửa chữa lớn năm 2016 công trình trung tu (CI) tổ máy tuabin khí

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
			GT13 Phú Mỹ 1.
61	6238/QĐ-GENCO3	29/10/2015	Quyết định: Thông qua dự toán sửa chữa lớn năm 2016 công trình trung tu (TI) tổ máy tuabin khí GT12 Phú Mỹ 1.
62	6001/QĐ-GENCO3	29/10/2015	Quyết định: Thông qua dự toán sửa chữa lớn năm 2016 công trình trung tu (CI) GT11 Phú Mỹ 1.
63	5950/QĐ-GENCO3	29/10/2015	Quyết định: Thông qua dự toán sửa chữa lớn năm 2016 công trình đại tu tổ máy tuabin khí GT24 Phú Mỹ 2.1 mở rộng.
64	6242/QĐ-GENCO3	30/10/2015	Quyết định: Thông qua dự toán sửa chữa lớn năm 2016 công trình đại tu tổ máy tua bin hơi ST23 Phú Mỹ 2.1
65	6020/QĐ-GENCO3	02/11/2015	Quyết định: Thông qua kết quả thương thảo gia hạn Hợp đồng dài hạn với Tổ hợp nhà thầu Mitsubishi Hitachi Power Systems, Ltd. và Itochu Corporation.
66	6154/QĐ-GENCO3	09/11/2015	Quyết định: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Sửa chữa và cải tạo Nhà Văn phòng 2.
67	6355/QĐ-GENCO3	18/11/2015	Quyết định: Thông qua Phụ lục điều chỉnh cho Đơn hàng số 05-14/LTSA mua vật tư thiết bị chính cho đại tu MXL2 tổ máy GT42 năm 2015.
68	6555/QĐ-GENCO3	26/11/2015	Quyết định: Thông qua Đơn hàng số 01-15/LTSA mua vật tư nhập khẩu cho trung tu CI GT11 - Phú Mỹ 1 năm 2016.
69	6554/QĐ-GENCO3	26/11/2015	Quyết định: Thông qua Đơn hàng số 03-15/LTSA mua vật tư nhập khẩu cho TI GT12 - Phú Mỹ 1 năm 2016.
70	6553/QĐ-GENCO3	26/11/2015	Quyết định: Thông qua Đơn hàng số 03-15/LTTSA thuê chuyên gia cho trung tu TI GT13 - Phú Mỹ 1 năm 2015.
71	6660/QĐ-GENCO3	30/11/2015	Quyết định: Thông qua Đơn hàng số 04-15/LTSA mua vật tư Consumable cho đại tu MXL2 tổ máy GT42 năm 2015
72	6771/QĐ-GENCO3	08/12/2015	Quyết định: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cung cấp hóa chất xử lý nước phục vụ sản xuất điện năm 2016.
73	6835/QĐ-GENCO3	10/12/2015	Quyết định: Thông qua việc sửa đổi bổ sung hợp đồng Tư vấn Quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình.
74	6842/QĐ-GENCO3	11/12/2015	Quyết định: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu trang bị nội thất cho Nhà Văn phòng 2.

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
75	6923/QĐ-GENCO3	15/12/2015	Quyết định: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất công nghiệp xử lý môi trường cho Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân.
76	7416/QĐ-GENCO3	29/12/2015	Quyết định: Thông qua giá điện dài hạn từ năm 2015 nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2.
77	7415/QĐ-GENCO3	29/12/2015	Quyết định: Thông qua Thỏa thuận tạm thanh toán tiền điện giai đoạn vận hành thương mại của NMNĐ Mông Dương 1.
78	7232/QĐ-GENCO3	29/12/2015	Quyết định: Thông qua Đơn hàng số 06-15/LTSA mua vật tư thiết bị chính cho đại tu MXL2 tổ máy GT41 năm 2017.
79	7225/QĐ-GENCO3	29/12/2015	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh các Nhà máy điện Phú Mỹ của Tổng Công ty Phát điện 3 năm 2016 (Đợt 1)
80	7445/QĐ-GENCO3	31/12/2015	Quyết định: Thông qua quyết toán sửa chữa lớn năm 2015 công trình trung tu (TI) tổ máy tua bin khí GT13 - Phú Mỹ 1.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT HOẶC KIỂM SOÁT VIÊN CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hoạt động giám sát của Kiểm soát viên:

Kiểm soát viên hoạt động theo Quy chế về công tác kiểm soát nội bộ ban hành theo Quyết định số 392/QĐ-EVN ngày 16/6/2014 và Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Tổng Công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Quyết định số 659/QĐ-EVN ngày 06/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Kế hoạch kiểm soát năm 2015 do Chủ tịch HĐQT EVN ban hành theo Quyết định số 42/QĐ-EVN ngày 13/02/2015. Kiểm soát viên đã thực hiện với những hoạt động chính như sau:

- Thường xuyên theo dõi, kiểm soát việc chấp hành chế độ, chính sách của Nhà nước, việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng thành viên, các Quy chế, Quy định, Chỉ thị của Tập đoàn tại Tổng Công ty. Kết quả, Tổng Công ty chấp hành tốt chế độ, chính sách của Nhà nước và chấp hành tốt những các Nghị quyết của HĐQT, các Quy chế, Quy định, Chỉ thị của Tập đoàn.

- Kiểm soát viên đã chủ trì thực hiện kiểm soát trực tiếp 04/04 cuộc kiểm soát tại 04 đơn vị gồm:

- + Công tác Tài chính kế toán khối ngành Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3;
- + Ban quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình;
- + Ban quản lý dự án Nhiệt điện 1;
- + Người đại diện phần vốn của EVNGENCO 3 tại Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh.

- Giám tiếp kiểm soát tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm soát viên sau kiểm soát năm 2014 đối với Công ty Thủy điện Buôn Kuốp và Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân.
 - Thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 sau kiểm toán và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, báo cáo kết quả thẩm định về HĐTV EVN, Ban Kiểm soát nội bộ EVN.
 - Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014, báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động, báo cáo xếp loại doanh nghiệp và phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 và báo cáo quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 của Tổng Công ty Phát điện 3, báo cáo kết quả thẩm định về HĐTV EVN, Ban Kiểm soát nội bộ EVN.
2. Các báo cáo của Kiểm soát viên:

BIỂU SỐ 5

THÔNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT HOẶC KIỂM SOÁT VIÊN

(Chỉ nêu tóm tắt các báo cáo quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
1	1527/BC-GENCO3	31/03/2015	Báo cáo thẩm định quỹ tiền lương Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3 năm 2014
2	1771/BC-GENCO3	17/04/2015	Báo cáo tình hình hoạt động của Kiểm soát viên EVNGENCO3 quý 1 năm 2015
3	2073/BC-GENCO3	27/04/2015	Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3
4	2320/BC-GENCO3	15/05/2015	Báo cáo thẩm định báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp và phương án phân phối lợi nhuận Tổng Công ty Phát điện 3
5	2321/BC-GENCO3	15/05/2015	Báo cáo thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 của Tổng Công ty Phát điện 3
6	2870/BC-GENCO3	09/06/2015	Báo cáo kết quả kiểm soát công tác tài chính kế toán khối ngành Tổng Công ty Phát điện 3
7	3494/BC-GENCO3	08/7/2015	Báo cáo kết quả kiểm soát tại Ban quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình
8	3595/BC-GENCO3	10/7/2015	Báo cáo tình hình hoạt động của Kiểm soát viên EVNGENCO3 trong quý 2 năm 2015
9	4974/BC-GENCO3	11/9/2015	Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính Quý II năm 2015 của Tổng Công ty Phát điện 3

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
10	5616/BC-GENCO3	14/10/2015	Báo cáo tình hình hoạt động của Kiểm soát viên EVNGENCO3 trong quý 3 năm 2015
11	5584/BC-GENCO3	14/10/2015	Báo cáo kết quả kiểm soát tại Ban quản lý dự án Nhiệt điện 1
12	5960/BC-GENCO3	30/10/2015	Báo cáo kết quả kiểm soát Người đại diện phần vốn của EVNGENCO3 tại CTCP Vĩnh Sơn – Sông Hinh
13	6832/BC-GENCO3	10/12/2015	Báo cáo tổng kết công tác kiểm soát năm 2015 và kế hoạch kiểm soát năm 2016

V. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách các bên có liên quan của doanh nghiệp.

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Công ty mua bán điện.

2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

- Mua điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Bán điện cho Công ty mua bán điện.

BIỂU SỐ 6

THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Chỉ nêu tóm tắt các giao dịch quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

TT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua điện	241 tỷ đồng
2	Công ty Mua bán điện	Bán điện	29.110 tỷ đồng

Giải thích:

(2): Ghi rõ tên của bên thực hiện giao dịch;

(3): Ghi rõ nội dung giao dịch (Ví dụ: Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng đi vay...);

(4): Ghi rõ giá trị giao dịch (Ví dụ: Tỷ đồng, nghìn USD..)

PHỤ LỤC X

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động:
- + Quy định chi trả tiền lương được xây dựng theo quy định của pháp luật, bảo đảm dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch. CBCNV làm công việc gì thì hưởng lương theo thang lương, bảng lương của công việc đó, giữ chức vụ gì thì hưởng lương theo chức vụ hoặc phụ cấp chức vụ đó trên cơ sở tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật công nhân; tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; tiền lương được chi trả theo thành tích đóng góp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng CBCNV.
- + Những CBCNV thực hiện các công việc đòi hỏi có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, đóng góp có hiệu quả vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Cơ quan Tổng Công ty thì được trả lương bằng hình thức thưởng lương khuyến khích và được chi từ quỹ tiền lương.
- + Tiền lương và lương bổ sung sẽ chi đối với một số đối tượng sau khi Lãnh đạo Tổng Công ty thỏa thuận, thống nhất với đại diện tập thể NLĐ trong Cơ quan Tổng Công ty
- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp:

Tiền lương và phụ cấp của VCQL Tổng Công ty được trả căn cứ vào kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và kết quả hoạt động quản lý, điều hành hoặc kiểm soát trên cơ sở mức tiền lương bình quân theo quy định hiện hành và phụ cấp (nếu có)

b) Quỹ tiền lương kế hoạch

- Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động: Thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và hướng dẫn của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam.
- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp: Thực hiện theo Điều 8 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam.

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động:

Đảm bảo việc giao kế hoạch tiền lương và quyết toán quỹ tiền lương thực hiện sản xuất kinh doanh điện cho các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty phát điện 3 theo đúng chế độ quy định, gắn việc phân phối quỹ tiền lương với năng suất, chất lượng, hiệu quả của từng đơn vị trong Công ty mẹ

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp: Thực hiện theo Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp

BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG NĂM 2015

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước liền kề năm báo cáo		Năm báo cáo
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP				
II	TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG				
1	Lao động	Người	1.254	1.201	1.375
2	Mức tiền lương bình quân	1.000 đ/tháng	16.443	18.022	18.747
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	247.925	260.245,6 3	310.91 0
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng		48.459	
5	Thu nhập bình quân	1.000 đ/tháng		21.420	
III	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	9	9	9
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	27.56	28.06	10.24
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	2.976	4.433,65	1.105. 5
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	27.56	41.05	10.24
5	Quỹ tiền thưởng			604	
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng			
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Triệu đồng/tháng		46.64	

- Nhận xét, đánh giá về quỹ tiền lương, tiền thưởng;
- Đề xuất, kiến nghị về chính sách tiền lương, tiền thưởng.



**Công ty TNHH Một thành viên –
Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thông tin về Công ty**

Quyết định thành lập số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012
Quyết định thành lập do Bộ Công thương cấp

**Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh số** 3502208399 ngày 30 tháng 10 năm 2013
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp

Chủ tịch Ông Nguyễn Văn Lê

Ban Tổng Giám đốc	Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
	Ông Trương Quốc Phúc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ,
Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 54 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm này.



Trưởng Ban Tổng Giám đốc,

T.N.H.H
MỘT THÀNH VIÊN
- TỔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 3
Bà Rịa – Vũng Tàu
Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 10 tháng 4 năm 2016

Handwritten signature



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 4 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 54.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới thuyết minh 4(b)(ii) trong báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) về chênh lệch tỷ giá. Thông tư 179 thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, ngoại trừ việc cho phép Tổng Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước, trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201. Quy định này tại Thông tư 179 có sự khác biệt so với VAS 10 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày tại thuyết minh 4(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra chúng tôi cũng lưu ý đến thuyết minh 4(b)(ii) các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong vốn chủ sở hữu thay vì chi phí tài chính theo Công văn số 3003/BTC/TCDN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2015 và Công văn số 2239/VPCP-KTTH của Văn phòng Chính phủ ngày 4 tháng 4 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với VAS 10 và Thông tư 200. Ảnh hưởng của việc áp dụng các công văn này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày tại thuyết minh 4(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất.



Các vấn đề khác


Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này trong báo cáo kiểm toán ngày 8 tháng 4 năm 2015 kèm theo đoạn nhấn mạnh liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 54. Thông tin bổ sung tại trang 55 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính hợp nhất và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Số báo cáo kiểm toán số: 16-02-070/HN




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2016

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		13.913.070.505.680	11.097.049.811.522
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.157.335.414.262	2.260.941.508.757
Tiền	111		572.335.414.262	2.025.941.508.757
Các khoản tương đương tiền	112		585.000.000.000	235.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		854.000.000.000	1.059.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	854.000.000.000	1.059.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		9.200.842.851.741	5.541.183.446.730
Phải thu của khách hàng	131	7	4.630.809.534.863	2.618.781.142.072
Trả trước cho người bán	132		210.026.415.254	2.780.985.365.543
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.360.561.174.226	141.416.939.115
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(554.272.602)	-
Hàng tồn kho	140	9	2.535.464.768.945	1.726.204.075.054
Hàng tồn kho	141		2.546.749.324.620	1.742.871.275.672
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.284.555.675)	(16.667.200.618)
Tài sản ngắn hạn khác	150		165.427.470.732	509.720.780.981
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.482.074.509	1.718.738.971
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		85.550.771.327	502.122.174.451
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14(b)	68.394.624.896	5.879.867.559

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND (Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		70.741.610.798.612	72.070.862.771.867
Phải thu dài hạn	210		12.000.000	12.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		12.000.000	12.000.000
Tài sản cố định	220		66.335.137.707.338	13.336.820.124.775
Tài sản cố định hữu hình	221	10	66.265.364.261.625	13.274.065.308.969
Nguyên giá	222		107.882.690.423.454	49.837.446.325.705
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.617.326.161.829)	(36.563.381.016.736)
Tài sản cố định vô hình	227	11	69.773.445.713	62.754.815.806
Nguyên giá	228		83.105.837.897	73.975.803.528
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.332.392.184)	(11.220.987.722)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.633.932.162.096	56.899.257.645.196
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.633.932.162.096	56.899.257.645.196
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	1.732.276.756.152	1.773.812.144.133
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.267.507.183.792	1.267.877.627.539
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		518.884.589.388	517.814.589.388
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(54.115.017.028)	(11.880.072.794)
Tài sản dài hạn khác	260		40.252.173.026	60.960.857.763
Chi phí trả trước dài hạn	261		29.436.259.026	60.960.857.763
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		9.987.734.000	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		828.180.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		84.654.681.304.292	83.167.912.583.389

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		75.974.335.415.860	72.146.126.968.192
Nợ ngắn hạn	310		10.577.281.032.708	16.954.186.203.875
Phải trả người bán	311	13	5.831.933.258.093	8.029.638.826.831
Người mua trả tiền trước	312		240.000	228.979.723
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(a)	164.326.381.907	191.574.788.057
Phải trả người lao động	314		217.374.292.315	193.922.387.301
Chi phí phải trả	315		67.690.531.208	50.418.897.483
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.936.492.876	-
Phải trả khác	319	15	722.675.300.321	1.029.099.484.625
Vay ngắn hạn	320	16(a)	3.339.374.074.111	7.363.417.058.508
Dự phòng ngắn hạn	321		49.938.670.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		168.031.791.877	95.885.781.347
Nợ dài hạn	330		65.397.054.383.152	55.191.940.764.317
Doanh thu chưa thực hiện	336		424.430.009.826	4.013.503.909
Vay dài hạn	338	16(b)	64.972.624.373.326	55.187.927.260.408
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		8.680.345.888.432	11.021.785.615.197
Vốn chủ sở hữu	410	17	8.680.345.888.432	11.021.785.615.197
Vốn góp	411	18	10.561.460.840.439	10.487.655.874.046
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.014.917.945	6.014.917.945
Vốn khác của chủ sở hữu	414		14.151.282.502	11.931.846.660
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(3.316.477.195.659)	(810.942.597.255)
Quỹ đầu tư phát triển	418		152.791.883.743	84.279.949.403
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.926.238.964	11.122.267.549
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		793.111.874.096	795.725.549.905
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		691.398.489.473	663.886.729.413
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		101.713.384.623	131.838.820.492
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		114.585.369.933	110.593.427.602
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		338.780.676.469	325.404.379.342
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		84.654.681.304.292	83.167.912.583.389

Ngày 10 tháng 4 năm 2016

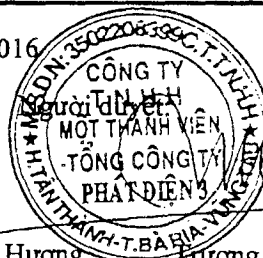
Người lập:



Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng





Trương Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	28.167.208.487.169	26.647.399.249.865
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	69.300.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	28.167.139.187.169	26.647.399.249.865
Giá vốn hàng bán	11	22	25.588.283.270.161	24.540.747.492.765
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.578.855.917.008	2.106.651.757.100
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	196.602.668.531	937.974.739.470
Chi phí tài chính	22	24	2.376.639.077.119	2.419.787.866.831
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.724.951.889.487	1.167.029.199.623
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24	6(b)	131.529.253.128	197.976.188.196
Chi phí bán hàng	25		757.491.326	608.952.566
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	265.669.647.096	233.167.201.120
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		263.921.623.126	589.038.664.249
Thu nhập khác	31		20.298.598.213	53.393.558.698
Chi phí khác	32		37.582.149.549	38.613.219.808
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(17.283.551.336)	14.780.338.890
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		246.638.071.790	603.819.003.139
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	53.065.487.065	84.550.258.174
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	(9.987.734.000)	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		203.560.318.725	519.268.744.965

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)




	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	203.560.318.725	519.268.744.965
Phân bổ:			
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	161.830.334.135	471.589.714.475
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	41.729.984.590	47.679.030.490

Ngày 10 tháng 4 năm 2016

Người lập:



Vũ Phương Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hương **Trương Quốc Phúc**
Kế toán trưởng *Phó Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		246.638.071.790	603.819.003.139
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.298.014.403.705	3.359.851.417.139
Các khoản dự phòng	03		87.146.331.455	8.248.627.873
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		452.235.680.518	425.455.760.861
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(105.676.725.930)	(67.496.288.187)
Lãi được chia từ công ty liên kết	05		(131.529.253.128)	(197.976.188.196)
Chi phí lãi vay	06		1.724.951.889.487	1.167.029.199.623
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.571.780.397.897	5.298.931.532.252
Biến động các khoản phải thu	09		(6.285.278.282.894)	(4.323.422.375.665)
Biến động hàng tồn kho	10		(714.052.157.836)	(177.255.072.470)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.753.721.937.893	11.060.987.705.522
Biến động chi phí trả trước	12		21.994.258.926	(65.994.431.288)
			1.348.166.153.986	11.793.247.358.351
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.593.176.420.064)	(1.821.761.611.770)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(108.027.323.189)	(83.518.534.030)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		184.191.047	2.761.531.015
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(60.149.446.904)	(59.870.999.406)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(413.002.845.124)	9.830.857.744.160
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.162.421.728.521)	(28.076.661.864.467)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.379.154.353	1.907.277.109
Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		(654.000.000.000)	(743.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		859.000.000.000	781.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(50.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		313.703.329.449	193.685.065.789
Chuyển và nhận các đơn vị với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (tiền thuần)			62.757.784.530	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(3.579.581.460.189)	(27.893.069.521.569)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	16.256.671.919.189	21.307.992.224.140
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.345.843.812.203)	(3.554.183.156.068)
Tiền trả cổ tức	36	(21.849.896.168)	(64.769.414.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	2.888.978.210.818	17.689.039.653.122
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)		(1.103.606.094.495)	(373.172.124.287)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	2.260.941.508.757	2.634.103.029.413
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	-	10.603.631
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	1.157.335.414.262	2.260.941.508.757

Ngày 10 tháng 4 năm 2016

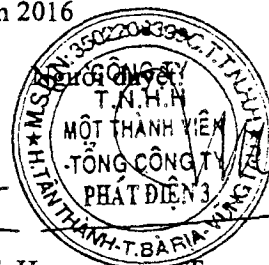
Người lập:



Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng




Trương Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) được thành lập theo quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01 tháng 06 năm 2012 của Bộ Công thương, hoạt động theo hình thức Tổng Công ty – Công ty con, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”), trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, một số Công ty phát điện, một số Ban quản lý (“BQL”) dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số Công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 3 công ty con (1/1/2015: 2 công ty con).

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân; Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình;
- Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ;
- Văn phòng Tổng Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		31/12/2015	1/1/2015
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Sản xuất điện, sản xuất sản phẩm hóa chất, sửa chữa và lắp đặt thiết bị điện và các dịch vụ khác có liên quan.	54,76%	54,76%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Sản xuất kinh doanh điện năng, quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện và các sản phẩm dịch vụ có liên quan khác.	79,56%	79,56%
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức (*)	Sản xuất điện, sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí, sửa chữa và kinh doanh thiết bị điện và các dịch vụ có liên quan khác	100%	-

- (*) Theo quyết định số 223/QĐ-EVN ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức được chuyển giao từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3. Theo công văn 846/EVN-TCKT-QLV ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, vốn, tài sản và công nợ của Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức sẽ được bàn giao từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3, đồng thời thực hiện tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 theo giá trị sổ sách tại ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty có 3.147 nhân viên (1/1/2015: 2.690 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Nhóm Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Nhóm Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất sau đây.

- Lợi ích cổ đông không kiểm soát (thuyết minh 4(a)(ii)); và
- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 4(b)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, khoản lỗ vượt trội cũng như các khoản lỗ bổ sung được tính giảm vào phần lợi ích của cổ đông công ty mẹ trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào phần lợi ích của cổ đông kiểm soát cho tới khi phần lỗ trước đây do các cổ đông công ty mẹ gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 202, các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của công đồng không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Nhóm Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc năm kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Nhóm Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm kế toán.

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Nhóm Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bảng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CĐKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (“Công văn 1779”) và Công văn số 4962/EVN-TCKT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính năm 2015 (“Công văn 4962”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, ngoại trừ việc cho phép Tổng Công ty được tiếp tục xử lý các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước, trước khi Thông tư 179 có hiệu lực như theo quy định tại Thông tư 201. Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 sẽ giảm 810.942.597.255 VND và số lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện ghi trong “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 sẽ giảm tương ứng 810.942.597.255 VND.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Điều 69 Thông tư 200 quy định tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Khoản chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia gắn với nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh, quốc phòng được tập hợp và phản ánh trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” và được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Tuy nhiên, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ kế toán của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Công ty ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu, thay vì chi phí tài chính, theo Công văn 3003/BTC-TCDN ngày 8 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2015 (“Công văn 3003”) và Công văn số 2239/VPCP-KTTH của Văn phòng Chính phủ ngày 4 tháng 4 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Công văn 2239”). Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 2.505.534.598.404 VND và khoản lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện ghi trong “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 2.505.534.598.404 VND.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179, Công văn 3003 và Công văn 2239 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt so với việc áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 và Thông tư 200 sẽ cung cấp đầy đủ các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất.

Đối với Ban quản lý xây dựng các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì chênh lệch tỷ giá trong quá trình đầu tư được phản ánh lũy kế và sẽ được phân bổ vào chi phí hoặc thu nhập không quá 5 năm kể từ khi công trình đi vào hoạt động theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2014.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(n) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển của Tổng Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP (“Nghị định 82”) ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ ban hành về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là các bên liên quan.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.514.133.390	1.015.512.474
Tiền gửi ngân hàng	570.821.280.872	2.024.925.996.283
Các khoản tương đương tiền	585.000.000.000	235.000.000.000
	1.157.335.414.262	2.260.941.508.757

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm như sau:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, một bên liên quan	360.000.000.000	510.000.000.000
Các bên thứ ba	494.000.000.000	549.000.000.000
	854.000.000.000	1.059.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với bên liên quan có lãi suất được hưởng là 5,1%/năm (1/1/2015: 5%/năm).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

				31/12/2015			1/1/2015		
		%	% quyền	Giá trị	Dự phòng	%	% quyền	Giá trị	Dự phòng
		sở hữu	biểu	ghi sổ	giảm giá	sở hữu	biểu	ghi sổ	giảm giá
			quyết	VND	VND		quyết	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết									
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh									
	Tỉnh Bình Định	(i) 30,6%	30,6%	859.239.711.994	-	30,55%	30,55%	844.393.180.090	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà									
	Tỉnh Yên Bái	(ii) 30,0%	30,0%	264.761.917.314	-	30,0%	30,0%	287.324.659.967	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A									
	Tỉnh Gia Lai	(iii) 30,0%	30,0%	143.505.554.484	-	30,0%	30,0%	136.159.787.482	-
				1.267.507.183.792	-			1.267.877.627.539	-
Đầu tư vào đơn vị khác									
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh									
	Tỉnh Quảng Ninh	1,8%	1,8%	114.770.927.800	(54.115.017.028)	1,8%	1,8%	114.770.927.800	(11.880.072.794)
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải phòng									
	Hải phòng	1,6%	1,6%	108.730.000.000	-	1,6%	1,6%	108.730.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn									
	Tỉnh Đắk Lắk	19,89%	19,89%	83.750.000.000	-	19,89%	19,89%	83.750.000.000	-
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng Alstom									
	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	15,0%	15,0%	74.463.661.588	-	15,0%	15,0%	74.463.661.588	-
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2									
	Tỉnh Đồng Nai	2,5%	-	64.000.000.000	-	2,5%	-	64.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ									
	Thành phố Đà Nẵng	12,1%	12,1%	50.000.000.000	-	12,1%	12,1%	50.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào									
	Thành phố Hà Nội	0,65%	-	19.600.000.000	-	0,65%	-	19.600.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt Điện Miền Bắc									
	Tỉnh Hải Dương	2,7%	2,7%	2.500.000.000	-	2,7%	2,7%	2.500.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại									
	Tỉnh Hải Dương	0,03%	0,03%	1.070.000.000	-	-	-	-	-
				518.884.589.388	(54.115.017.028)			517.814.589.388	(11.880.072.794)

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 05 năm 2005. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 03 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 01 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tổng tài sản	7.072.443.428.008	5.817.142.980.563
Tổng công nợ	2.978.658.030.860	1.484.514.676.999
Tài sản thuần	4.093.785.397.148	4.332.628.303.564
Phần tài sản thuần trong các công ty liên kết	1.267.507.183.792	1.267.877.627.539
	2015 VND	2014 VND
Doanh thu	982.070.872.068	1.239.231.867.756
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	433.398.410.507	653.274.709.560
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	131.529.253.128	197.976.188.196

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	11.880.072.794	12.609.819.429
Tăng dự phòng trong năm	42.234.944.234	-
Hoàn nhập	-	(729.746.635)
Số dư cuối năm	54.115.017.028	11.880.072.794

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	4.622.001.128.110	2.609.442.240.384
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	8.808.406.753	9.338.901.688
	4.630.809.534.863	2.618.781.142.072

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND (Phân loại lại)
Phải thu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (*)	4.223.779.810.981	-
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 3	833.367.237	833.367.237
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	12.500.527.777	9.243.500.000
Lãi tiền gửi phải thu	18.665.523.615	27.095.156.340
Cổ tức phải thu	-	71.779.948.000
Phải thu khác	104.781.944.616	32.464.967.538
	4.360.561.174.226	141.416.939.115

(*) Trong số dư này có 3.890.576.415.008 VND do Tổng Công ty đã đầu tư cho dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4. Dự án này đã được chuyển về cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong năm (thuyết minh 28).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	125.409.722.156	-
Nguyên vật liệu	2.391.646.877.016	1.582.396.554.349
Công cụ và dụng cụ	12.564.093.104	4.576.004.289
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.918.337.376	155.219.458.327
Thành phẩm	160.838.203	392.843.601
Hàng hóa	49.456.765	286.415.106
	2.546.749.324.620	1.742.871.275.672

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh dự phòng giảm giá nguyên vật liệu và có biến động trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	16.667.200.618	7.533.234.609
Tăng dự phòng trong năm	98.226.929	9.575.755.255
Hoàn nhập	(5.480.871.872)	(441.789.246)
	11.284.555.675	16.667.200.618

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	8.025.009.510.668	38.188.710.847.300	3.542.442.621.353	76.569.912.209	4.713.434.175	49.837.446.325.705
Tăng trong năm	2.856.580.336	35.038.504.530	12.739.614.998	5.977.201.355	1.467.048.700	58.078.949.919
Cải tạo và sửa chữa	-	-	-	15.584.489.972	-	15.584.489.972
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.110.645.131.778	43.248.262.587.895	2.840.646.286.146	1.647.689.778	-	57.201.201.695.597
Nhận từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.618.309.720	850.486.250.036	7.855.912.935	4.202.741.356	35.714.285	878.198.928.332
Điều chuyển nội bộ	(13.673.320.283)	-	13.673.320.283	-	-	-
Phân loại lại	(1.090.488.847.760)	816.055.726.491	289.226.853.467	(589.929.495)	-	14.203.802.703
Thanh lý	(3.862.656.000)	(352.645.956)	(2.139.915.657)	-	-	(6.355.217.613)
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(15.974.019.254)	(85.243.382.294)	(8.473.688.275)	(475.607.038)	(38.460.000)	(110.205.156.861)
Giảm do quyết toán	(2.833.652.072)	-	(2.337.801.889)	(291.940.339)	-	(5.463.394.300)
Số dư cuối năm	18.027.297.037.133	83.052.957.888.002	6.693.633.203.361	102.624.557.798	6.177.737.160	107.882.690.423.454
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.105.722.849.309	30.789.133.744.177	1.623.397.967.855	44.435.511.125	690.944.270	36.563.381.016.736
Khấu hao trong năm	542.875.769.339	3.421.928.765.951	314.680.344.186	15.941.501.348	476.618.419	4.295.902.999.243
Nhận từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.310.834.926	836.752.850.652	7.244.671.211	2.429.219.104	35.714.285	861.773.290.178
Phân loại lại	(6.732.289.197)	1.074.089.974	5.610.703.043	47.496.180	-	-
Thanh lý	(3.037.009.818)	(321.340.430)	(2.037.058.705)	-	-	(5.395.408.953)
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(5.406.022.025)	(81.081.864.977)	(5.554.307.154)	(417.611.438)	(35.237.691)	(92.495.043.285)
Giảm do quyết toán	(3.210.949.862)	-	(2.337.801.889)	(291.940.339)	-	(5.840.692.090)
Số dư cuối năm	4.645.523.182.672	34.967.486.245.347	1.941.004.518.547	62.144.175.980	1.168.039.283	41.617.326.161.829
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.919.286.661.359	7.399.577.103.123	1.919.044.653.498	32.134.401.084	4.022.489.905	13.274.065.308.969
Số dư cuối năm	13.381.773.854.461	48.085.471.642.655	4.752.628.684.814	40.480.381.818	5.009.697.877	66.265.364.261.625

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.364.690.088.014 VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 1.697.209.139.741 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Một số tài sản cố định hữu hình được dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng được trình bày tại thuyết minh 16.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyển giao công nghệ VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	67.463.477.322	2.741.435.058	3.770.891.148	73.975.803.528
Tăng trong năm	-	39.550.875	-	39.550.875
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	9.090.483.494	-	9.090.483.494
Số dư cuối năm	67.463.477.322	11.871.469.427	3.770.891.148	83.105.837.897
Khấu hao trong năm				
Số dư đầu năm	7.150.009.855	1.386.497.102	2.684.480.765	11.220.987.722
Khấu hao trong năm	984.269.873	718.907.669	408.226.920	2.111.404.462
Số dư cuối năm	8.134.279.728	2.105.404.771	3.092.707.685	13.332.392.184
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	60.313.467.467	1.354.937.956	1.086.410.383	62.754.815.806
Số dư cuối năm	59.329.197.594	9.766.064.656	678.183.463	69.773.445.713

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 8.015.608.652 VND (1/1/2015: 3.011.117.583 VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 606.628.866 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 606.628.866 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	56.899.257.645.196	41.101.445.817.217
Tăng trong năm	3.756.998.112.340	30.376.204.260.389
Chi phí lãi vay vốn hóa	678.364.588.158	2.004.203.192.817
Tăng từ nhận bàn giao công ty con	219.501.921	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(57.201.201.695.597)	(2.435.242.799.974)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(9.090.483.494)	-
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(1.120.338.504.035)	(13.767.322.259.129)
Giảm khác	(370.277.002.393)	(380.030.566.124)
	2.633.932.162.096	56.899.257.645.196

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương	1.023.884.297.980	27.580.942.083.512
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	925.047.930.443	24.575.165.834.062
Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	412.469.077.282	296.350.737.496
Cảng than Vĩnh Tân	259.888.105.390	3.660.614.342.492
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	-	781.915.719.273
Khác	12.642.751.001	4.268.928.361
	2.633.932.162.096	56.899.257.645.196

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 678.365 triệu VND (2014: 2.004.203 triệu VND).

Các tài sản hình thành trong tương lai từ các công trình xây dựng cơ bản dở dang được dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng được trình bày tại thuyết minh 16.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	157.314.832.070	953.294.760
Các bên liên quan khác	6.609.615.082	2.976.985.733
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	1.848.611.996.884	2.568.098.435.194
Công ty Shanghai Electric Group	1.519.970.146.668	2.503.142.877.099
Tập đoàn Xây dựng Hyundai E&C	1.314.517.829.383	2.057.490.987.315
Các nhà cung cấp khác	984.908.838.006	896.976.246.730
	5.831.933.258.093	8.029.638.826.831
Số có khả năng trả nợ	5.831.933.258.093	8.029.638.826.831

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Tăng từ nhận bàn giao một công ty con VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	103.775.837.984	287.765.949	928.921.527.446	(970.103.762.975)	18.755.324.816	81.636.693.220
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.101.530.238	217.207.318	53.109.297.065	(108.027.323.189)	42.111.011.155	45.511.722.587
Thuế nhà thầu	225.014.607	-	34.605.992.367	(27.282.776.183)	-	7.548.239.791
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	14.120.238.545	(14.120.238.545)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.469.221.638	-	15.569.761.121	(16.839.185.934)	1.108.129.748	2.307.926.573
Thuế tài nguyên	15.273.206.150	109.200	187.026.195.565	(181.814.042.179)	-	20.485.468.736
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	12.933.939.148	(12.890.474.022)	(43.465.126)	-
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	11.729.977.440	1.706.482	37.549.058.847	(42.444.402.769)	-	6.836.340.000
Các loại thuế khác	-	-	22.027.000	(22.027.000)	-	-
	191.574.788.057	506.788.949	1.283.858.037.104	(1.373.544.232.796)	61.931.000.593	164.326.381.907

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Tăng từ nhận bàn giao một công ty con VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thu trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.679.949.909	-	-	-	18.755.324.816	23.435.274.725
Thuế thu nhập doanh nghiệp	608.545	-	-	-	42.111.011.155	42.111.619.700
Thuế thu nhập cá nhân	1.199.309.105	330.664.668	-	-	1.108.129.748	2.638.103.521
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	253.092.076	-	-	(43.465.126)	209.626.950
	5.879.867.559	583.756.744	-	-	61.931.000.593	68.394.624.896

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	498.148.789.015	123.008.936.270
Các bên liên quan khác	19.443.867.919	10.582.688.799
Bên thứ ba		
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	151.562.350.386	217.174.574.817
Công ty Cổ phần Thủy điện Srêpôk 3	-	613.267.623.287
Phải trả khác	53.520.293.001	65.065.661.452
	722.675.300.321	1.029.099.484.625

16. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2015 VND
Vay ngắn hạn	400.000.000.000	-	(400.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	6.963.417.058.508	3.349.399.244.174	(6.973.442.228.571)	3.339.374.074.111
	7.363.417.058.508	3.349.399.244.174	(7.373.442.228.571)	3.339.374.074.111
Số có khả năng trả nợ	7.363.417.058.508			3.339.374.074.111

(b) Vay dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn	68.311.998.447.437	62.151.344.318.916
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.339.374.074.111)	(6.963.417.058.508)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	64.972.624.373.326	55.187.927.260.408

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay từ các tổ chức				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	143.294.202.256	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	599.000.000.000	599.000.000.000
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	2.548.769.979.856	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	374.000.000.000	374.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	2.190.781.573.344	-
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 4</i>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2029	2.338.883.568.274	2.134.864.479.902
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2029	1.167.134.660.567	891.221.087.771
<i>Dự án Cảng than Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	553.230.020.144	-
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	185.000.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	178.000.000.000	178.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	338.000.000.000	338.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng TMCP Sài gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	185.000.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	202.000.000.000	202.000.000.000
<i>Dự án lắp kháng điện khu vực phía Nam để giám dòng ngắn mạch</i>				
Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	VND	2017	50.000.000.000	50.000.000.000

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	470.921.021.851	457.042.891.878
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	17.231.947.165.625	16.183.665.844.538
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	10.955.373.163.664	7.664.165.713.170
Vay trái phiếu	VND	2015	-	150.000.000.000
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	6.186.010.169.010	5.867.652.946.470
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2026	2.026.195.834.393	2.046.269.653.180
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	8.957.320.563.579	7.068.466.839.401
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	2015	-	2.698.714.818.041
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	2015	-	2.199.629.474.880
Vay trái phiếu	VND	2015	-	31.941.066.865
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	108.894.686.576	111.231.238.167
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	78.451.727.103	79.333.713.873
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2016	112.562.875.656	213.539.865.264
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	2018	540.518.838.667	804.841.313.023
Vay trái phiếu	VND	2015	-	100.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	178.072.813.166	202.690.155.167
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	194.793.045.965	250.394.167.823
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2017	117.397.948.942	195.663.248.236
Vay trái phiếu	VND	2016	100.000.000.000	290.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	378.461.884.374	430.781.637.334
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	774.791.627.761	996.160.653.761
Vay trái phiếu	VND	2015	-	25.000.000.000

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	5.278.533.404.202	5.337.876.864.952
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	2015	-	184.968.819.854
Ngân hàng Thế Giới	USD	2015	-	67.567.221.483
Vay trái phiếu	VND	2015	-	1.124.524.127
<i>Dự án Cảng than Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	575.759.847.932	546.128.906.335
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	2.416.549.105.388	1.983.870.344.450
Ngân hàng phát triển Việt Nam	VND	2015	-	553.230.020.144
Vay trái phiếu	VND	2015	-	745.597.036
<i>Dự án Đuôi hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa</i>				
Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu	KRW	2028	576.348.719.142	611.431.445.573
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Vay trái phiếu	VND	2015	-	30.129.766.218
			68.311.998.447.437	62.151.344.318.916

Toàn bộ tài sản hình thành từ các dự án trên được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tương ứng.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay USD từ 0,45% đến 6,9%.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay VND từ 6,7% đến 10,5%.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay JPY từ 1,66% đến 2,5%.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay CNY là 3,2%.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay KRW là 2,4%.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	12.400.642.458.755	6.014.917.945	10.047.959.908	(514.824.732.641)	131.257.556.522	8.910.405.380	530.880.574.526	204.576.931.617	296.464.525.961	13.073.970.597.973
Tăng vốn trong năm	721.596.120	-	-	-	-	-	-	-	-	721.596.120
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(1.913.708.180.829)	-	-	9.328.629.723	-	-	(4.542.544.190)	(200.201.000.000)	-	(2.109.123.095.296)
Chuyển lợi nhuận về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	-	-	-	-	(70.451.992.374)	-	-	(70.451.992.374)
Kết chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	-	-	-	(1.883.886.752)	-	-	-	-	(1.883.886.752)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(305.446.494.337)	-	-	-	-	-	(305.446.494.337)
Lợi nhuận trong năm Cổ tức	-	-	-	-	-	-	471.589.714.475	-	47.679.030.490	519.268.744.965
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	65.639.476.008	2.419.938.094	(137.247.499.140)	-	(1.928.974.300)	(71.117.059.338)
Phân loại lại	-	-	-	-	(106.217.495.985)	-	-	106.217.495.985	-	-
Tăng/(giảm) khác	-	-	1.883.886.752	-	(4.515.700.390)	(208.075.925)	5.497.296.608	-	646.860.363	3.304.267.408
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	10.487.655.874.046	6.014.917.945	11.931.846.660	(810.942.597.255)	84.279.949.403	11.122.267.549	795.725.549.905	110.593.427.602	325.404.379.342	11.021.785.615.197

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	10.487.655.874.046	6.014.917.945	11.931.846.660	(810.942.597.255)	84.279.949.403	11.122.267.549	795.725.549.905	110.593.427.602	325.404.379.342	11.021.785.615.197
Nhận bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên (i)	96.728.456.859	-	1.566.487.558	-	16.178.490.841	-	-	1.705.055.583	-	116.178.490.841
Tăng vốn trong năm	1.271.458.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1.271.458.000
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(25.900.004.049)	-	-	(25.181.627.228)	-	-	-	-	-	(51.081.631.277)
Chuyển lợi nhuận về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	-	-	-	-	(2.659.523.292)	-	-	(2.659.523.292)
Phân loại lại quỹ	1.705.055.583	-	-	-	(1.142.186.802)	-	-	2.286.886.748	-	2.849.755.529
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	54.128.578.585	5.032.203.784	(62.010.537.898)	-	-	(2.849.755.529)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(98.926.848.113)	-	(5.435.341.350)	(104.362.189.463)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	161.830.334.135	-	41.729.984.590	203.560.318.725
Điều chuyển nguồn vốn	-	-	652.948.284	-	(652.948.284)	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(2.480.352.971.176)	-	-	-	-	-	(2.480.352.971.176)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(22.839.890.601)	(22.839.890.601)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(228.232.369)	(847.100.641)	-	(78.455.512)	(1.153.788.522)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	10.561.460.840.439	6.014.917.945	14.151.282.502	(3.316.477.195.659)	152.791.883.743	15.926.238.964	793.111.874.096	114.585.369.933	338.780.676.469	8.680.345.888.432

(i) Tổng Công ty nhận bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên theo quyết định số 223/QĐ-EVN của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt của Tổng Công ty được góp đầy đủ bởi Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Biến động vốn pháp định đã góp trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.487.655.874.046	12.400.642.458.755
Tăng vốn trong năm	1.271.458.000	721.596.120
Nhận bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên	96.728.456.859	-
Bàn giao về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(25.900.004.049)	(1.913.708.180.829)
Phân loại lại quỹ	1.705.055.583	-
Số dư cuối năm	10.561.460.840.439	10.487.655.874.046

Công ty mẹ trực tiếp và cấp cao nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

19. Phân phối lợi nhuận

Theo quy định tại điều 29 Nghị định 82/2014/NĐ-CP của chính phủ, số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ sẽ được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hoặc nộp Ngân sách Nhà nước. Trong năm 2015 Tổng Công ty đã chuyển lợi nhuận còn lại của năm 2014 về Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo công văn số 4716/EVN-TCKT ngày 10/11/2015 về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2014 với số tiền 2.660 triệu đồng (năm 2014 đã chuyển lợi nhuận về Tập đoàn Điện lực Việt Nam với số tiền 70.452 triệu đồng).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	5.965.683.038	5.965.683.038
Trong vòng hai đến năm năm	23.862.732.152	23.862.732.152
Sau năm năm	205.405.497.779	211.371.180.817
	235.233.912.969	241.199.596.007

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012 và 3 thửa đất tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013.

(b) Ngoại tệ

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	38.292,9	859.689.573	47.502,09	1.014.621.533
		859.689.573		1.014.621.533

(c) Cam kết đầu tư

Tại ngày 31/12/2015, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Nhóm Công ty sẽ đầu tư 8.186.719 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác (1/1/2015: 18.737.025 triệu VND).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2015	2014
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu tiêu thụ điện	28.085.275.090.829	26.590.650.368.426
▪ Doanh thu bán sản phẩm khác	27.423.019.741	13.813.447.707
▪ Dịch vụ khác	54.510.376.599	42.935.433.732
	28.167.208.487.169	26.647.399.249.865
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(69.300.000)	-
	28.167.139.187.169	26.647.399.249.865

22. Giá vốn hàng bán

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn tiêu thụ điện	25.530.079.179.816	24.491.389.489.749
Giá vốn sản phẩm khác	26.640.290.207	12.429.859.989
Giá vốn dịch vụ khác	31.563.800.138	36.928.143.027
	25.588.283.270.161	24.540.747.492.765

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	83.131.053.207	100.148.044.714
Cổ tức được chia	22.292.500.000	27.200.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	6.216.158.112	14.571.106.537
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	84.962.957.212	796.055.088.219
	196.602.668.531	937.974.739.470

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí tài chính

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.724.951.889.487	1.167.029.199.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	72.252.640.208	31.977.564.763
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	537.198.637.730	1.221.510.849.080
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	42.234.944.234	(729.746.635)
Chi phí khác	965.460	-
	2.376.639.077.119	2.419.787.866.831

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	147.395.629.493	138.752.419.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.807.910.288	15.051.995.481
Chi phí khác	100.466.107.315	79.362.786.428
	265.669.647.096	233.167.201.120

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.333.074.498.194	18.968.488.149.267
Chi phí nhân công	552.731.309.969	443.320.826.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.262.012.035.373	3.338.797.600.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	258.489.300.280	50.819.451.430
Chi phí sửa chữa lớn	1.049.425.738.513	1.482.584.085.431
Chi phí khác	398.977.526.254	490.513.532.545

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	53.065.487.065	84.449.711.869
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	100.546.305
	<hr/> 53.065.487.065	<hr/> 84.550.258.174
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(9.987.734.000)	-
	<hr/> 43.077.753.065	<hr/> 84.550.258.174

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	246.638.071.790	603.819.003.139
	<hr/> 54.260.375.794	<hr/> 132.840.180.691
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	54.260.375.794	132.840.180.691
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(33.840.785.688)	(49.615.513.166)
Ảnh hưởng của các lãi suất khác nhau	926.725.615	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.476.447.192	1.225.044.344
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	100.546.305
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	19.254.990.152	-
	<hr/> 43.077.753.065	<hr/> 84.550.258.174

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế trong năm 2014 và 2015, và sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

Tại ngày 1 tháng 5 năm 2015, Tổng Công ty đã chuyển Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 về Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý bằng việc làm giảm đi xây dựng cơ bản dở dang và khoản trả trước cho người bán tương ứng giảm vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Tổng Công ty là 6.896.370.403 VND và tăng phải thu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 3.890.576.415.008 VND (thuyết minh 8).

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã tách số liệu tài sản, vốn của Ban Quản lý Dự án Thủy điện 5 theo Công văn số 1483B/EVN-TCKT ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bằng việc giảm nguyên giá, khấu hao lũy kế của tài sản cố định và các khoản phải thu tương ứng giảm nợ phải trả và nguồn vốn.

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã nhận quản lý Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên, theo quyết định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, là một công ty con.

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 3.107.021.688.118 VND (2014: 3.127.206.914.604 VND) là số tiền mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm và 24.288.146.499 VND (năm 2014: 385.945.140.244 VND) là chi phí lãi vay đã vốn hóa vào công trình xây dựng cơ bản dở dang chưa được thanh toán.

29. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Nhóm Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Nhóm Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Chủ tịch Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Nhóm Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Nhóm Công ty gặp phải.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Nhóm Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Nhóm Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	<i>(i)</i>	1.155.821.280.872	2.259.925.996.283
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<i>(i)</i>	854.000.000.000	1.059.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<i>(ii)</i>	8.990.828.436.487	2.760.210.081.187
		<hr/>	<hr/>
		11.000.649.717.359	6.079.136.077.470

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phải thu của khách hàng và phải thu khác

Phải thu của khách hàng và phải thu khác của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu từ đầu tư dự án cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Phải thu của khách hàng và phải thu từ đầu tư dự án cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Tổng Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Nhóm Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng của Nhóm Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Nhóm Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng.

Nhóm Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho phải thu của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015.

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng dự phòng trong năm	198.910.438	-
Tăng từ nhận bàn giao một công ty con	355.362.164	-
Số dư cuối năm	<u>554.272.602</u>	-

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được không bao gồm khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán	5.831.933.258.093	5.831.933.258.093	5.831.933.258.093	-	-
Phải trả người lao động	217.374.292.315	217.374.292.315	217.374.292.315	-	-
Chi phí phải trả	67.690.531.208	67.690.531.208	67.690.531.208	-	-
Phải trả khác	722.675.300.321	722.675.300.321	722.675.300.321	-	-
Vay ngắn hạn	3.339.374.074.111	3.339.374.074.111	3.339.374.074.111	-	-
Vay dài hạn	64.972.624.373.326	64.972.624.373.326	-	21.026.365.758.312	43.946.258.615.014
	75.151.671.829.374	75.151.671.829.374	10.179.047.456.048	21.026.365.758.312	43.946.258.615.014
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán	8.029.638.826.831	8.029.638.826.831	8.029.638.826.831	-	-
Phải trả người lao động	193.922.387.301	193.922.387.301	193.922.387.301	-	-
Chi phí phải trả	50.418.897.483	50.418.897.483	50.418.897.483	-	-
Phải trả khác	1.029.099.484.625	1.029.099.484.625	1.029.099.484.625	-	-
Vay ngắn hạn	7.363.417.058.508	7.363.417.058.508	7.363.417.058.508	-	-
Vay dài hạn	55.187.927.260.408	55.187.927.260.408	-	16.742.180.418.681	38.445.746.841.727
	71.854.423.915.156	71.854.423.915.156	16.666.496.654.748	16.742.180.418.681	38.445.746.841.727

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Nhóm Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty, là Việt Nam đồng (“VND”). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”), Yên Nhật (“JPY”), Nhân dân tệ (“CNY”), Won (“KRW”), Đồng Euro (“EUR”) và Franc Thụy Sĩ (“CHF”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD	JPY	31/12/2015 CNY	KRW	EUR	CHF
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.293	-	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	(218.242.187)	(309.558.247)	(5.722.766)	(83.963.393)	(455.727)	(372.510)
Vay ngắn hạn và dài hạn	(2.105.722.210)	(29.095.495.677)	(599.934.811)	(32.485.836.581)	-	-
	(2.323.926.104)	(29.405.053.924)	(605.657.577)	(32.569.799.974)	(455.727)	(372.510)

	USD	JPY	1/1/2015 CNY	KRW	EUR	CHF
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.502	-	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	(240.119.716)	(197.937.987)	(5.722.766)	(83.380.314)	-	(20.782)
Vay ngắn hạn và dài hạn	(2.016.135.569)	(31.429.458.880)	(599.934.811)	(32.485.836.581)	-	-
	(2.256.207.783)	(31.627.396.867)	(605.657.577)	(32.569.216.895)	-	(20.782)

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
1 USD	22.540,00	21.380,00
1 JPY	187,86	175,90
1 CNY	3.377,36	3.410,82
1 KRW	19,22	17,75
1 EUR	24.730,00	25.542,36
1 CHF	22.880,00	21.499,00

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận trước thuế VND
31/12/2015	
USD (mạnh thêm 5%)	(2.619.064.890.997)
JPY (mạnh thêm 7%)	(386.682.118.900)
CNY (yếu đi 1%)	20.455.236.096
KRW (yếu đi 1%)	46.236.999.644
EUR (yếu đi 3%)	337.549.096
CHF (mạnh thêm 6%)	(510.224.244)
	<hr/>
	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận trước thuế VND
1/1/2015	
USD (mạnh thêm 1%)	(482.403.904.107)
JPY (mạnh thêm 1%)	(55.632.591.090)
CNY (mạnh thêm 1%)	(20.657.889.792)
KRW (mạnh thêm 1%)	(5.782.328.394)
CHF (mạnh thêm 1%)	(3.916.748)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Các khoản tương đương tiền	585.000.000.000	235.000.000.000
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	854.000.000.000	1.059.000.000.000
▪ Vay ngắn hạn và dài hạn	(15.108.267.201.524)	(15.584.091.919.300)
	(13.669.267.201.524)	(14.290.091.919.300)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	570.821.280.872	2.024.925.996.283
▪ Vay ngắn hạn và dài hạn	(53.203.731.245.913)	(46.967.252.399.616)
	(52.632.909.965.041)	(44.942.326.403.333)

Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 368.256.072.922 VND lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty (2014: 79.430.859.048 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

(i) Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	(*) 1.157.335.414.262	2.260.941.508.757
▪ Phải thu của khách hàng và phải thu khác	(*) 8.990.828.436.487	2.760.210.081.187
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(*) 854.000.000.000	1.059.000.000.000
	11.002.163.850.749	6.080.151.589.944
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Phải trả người bán	(*) (5.831.933.258.093)	(8.029.638.826.831)
▪ Phải trả người lao động	(*) (217.374.292.315)	(193.922.387.301)
▪ Chi phí phải trả	(*) (67.690.531.208)	(50.418.897.483)
▪ Phải trả khác	(*) (722.675.300.321)	(1.029.099.484.625)
▪ Vay ngắn hạn	(*) (3.339.374.074.111)	(7.363.417.058.508)
▪ Vay dài hạn	(*) (64.972.624.373.326)	(55.187.927.260.408)
	(75.151.671.829.374)	(71.854.423.915.156)

(ii) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Phân phối lợi nhuận	2.659.523.292	70.451.992.374
Mua điện	240.902.178.000	126.708.801.946
Lãi vay	1.449.090.291.740	3.084.129.688.727
Vay trong năm	4.388.588.567.669	22.867.232.159.952
Thanh toán vay trong năm	2.517.935.126.477	3.204.395.996.594
Công ty Mua bán Điện		
Bán điện và cung cấp dịch vụ	29.110.481.291.492	26.590.179.208.930
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc		
Mua điện	25.874.441.559	-
Công ty Lưới điện cao thế Miền Bắc		
Mua điện	1.936.896.124	-
Tổng Công ty Truyền tải Điện		
Lãi vay	3.185.090.556	3.701.423.055
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình		
Bán điện và cung cấp dịch vụ	-	996.768.229
Trung tâm Thí nghiệm Điện – Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		
Mua dịch vụ	958.444.796	1.608.067.591
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		
Lãi tiền gửi	29.378.222.222	31.397.388.889
Công ty TNHH Thí Nghiệm điện miền Bắc		
Mua dịch vụ	661.784.504	1.421.953.542
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Mua dịch vụ	32.353.298.347	100.870.163.910
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Mua dịch vụ	547.735.561	9.794.839.671
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Mua dịch vụ	493.220.827	3.491.306.897
Trung tâm Công nghệ thông tin		
Mua dịch vụ	1.235.469.665	2.030.929.461

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Viên chức quản lý		
Tiền lương và thưởng	8.623.454.000	6.649.441.000

31. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3, Nhóm Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 200 và Thông tư 202 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Do đó, việc trình bày một số diễn giải trong báo cáo tài chính hợp nhất có sự thay đổi. Một số số liệu so sánh cụ thể tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với các yêu cầu của Thông tư 200 và Thông tư 202 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 VND (phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	141.416.939.115	139.950.955.283
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.465.983.832
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.059.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	-	1.059.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	12.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	12.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	84.279.949.403	58.846.248.077
Quỹ dự phòng tài chính	-	25.433.701.326

Ngày 10 tháng 4 năm 2016

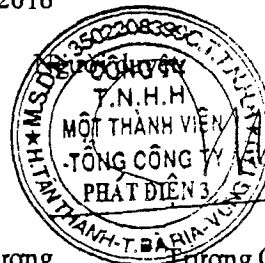
Người lập:



Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng



Trương Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con
Phụ lục báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Nhiên liệu	19.153.589.203.548	18.833.667.500.925
Vật liệu	170.598.168.577	129.806.700.574
Lương và bảo hiểm	547.341.891.746	429.836.765.827
- Tiền lương	519.582.513.383	408.018.794.000
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	27.759.378.363	21.817.971.827
Khấu hao TSCĐ	4.255.794.590.357	3.333.841.076.292
Các khoản dịch vụ mua ngoài	257.027.327.145	49.088.132.975
- Điện dùng nội bộ	15.010.849.042	9.030.337.049
- Chi phí điện mua Tập đoàn	83.662.313.743	17.886.060.300
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	158.354.164.360	22.171.735.626
Chi phí sửa chữa lớn	1.049.425.738.513	1.482.584.085.431
Chi phí bằng tiền khác	361.858.474.790	465.688.792.481
- Thuế tài nguyên	182.082.622.805	259.822.867.690
- Phí môi trường rừng	30.893.081.840	62.953.689.020
- Thuế đất	12.289.393.764	7.023.838.100
- Ăn ca	19.904.770.500	15.722.202.999
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	250.406.771	971.189.500
- Dự phòng phải thu khó đòi	252.839.019	(155.591.501)
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.382.644.943)	9.133.966.009
- Chi phí bằng tiền khác	121.568.005.034	110.216.630.664
Tổng cộng	25.795.635.394.676	24.724.513.054.505
- Chi phí lãi vay	1.724.951.889.487	1.167.029.199.623
- Chênh lệch tỷ giá	518.273.148.984	442.862.219.087
- (Giảm)/tăng giá thành do thanh lý, nhượng bán vật tư thu hồi, tài sản cố định	(19.740.097.038)	8.509.676.422
Tổng cộng	28.019.120.336.109	26.342.914.149.637
- Sản lượng tính giá thành	26.329.436.103	21.932.171.949
- Giá thành đơn vị điện (VND)	1.064	1.201